

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Dung;

Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Minh Thế – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm: 1991. Địa chỉ: khu phố 8, phường X, thành phố R, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đặng Minh S, sinh năm: 1980. Địa chỉ: thôn J, xã I, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt – ông S yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt – theo Biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Lệ T trình bày:

Bà và ông Đặng Minh S sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 27/6/2016. Quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2022, bà và ông S phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do ông S không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, con cái, vợ chồng không thống nhất quan điểm với nhau về những việc làm ăn, chăm sóc con, sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Bà góp ý cho ông S để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng ông S không nghe mà lại gây gổ đánh đập bà. Từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, bà và ông

S không sống chung với nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đặng Minh S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Đặng Minh K, sinh ngày 26/8/2016, Đặng Hoàng N, sinh ngày 12/12/2018. Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau cho đến nay các con chung sống với bà. Tuy nhiên, ông S cũng có phụ giúp bà trong việc chăm lo cho con, đưa đón con đi học hằng ngày. Bà đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đặng Hoàng N và đồng ý để ông S được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đặng Minh K. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng để ông S nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Đặng Minh S không có khoản nợ chung nào.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2023, bị đơn là ông Đặng Minh S trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Lệ T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào năm 2016. Quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2022, ông và bà T phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính với nhau, không thống nhất quan điểm với nhau về những việc làm ăn, chăm sóc con, sinh hoạt hằng ngày trong gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, ông và bà T không sống chung với nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chung sống hành phúc được nên ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Lệ T. Ông xác định vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được nên ông không đến Tòa án để tham gia hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Đặng Minh K, sinh ngày 26/8/2016, Đặng Hoàng N, sinh ngày 12/12/2018. Hiện nay Đặng Minh K đang sống với ông, Đặng Hoàng N đang sống với bà T. Tuy nhiên, ông cũng có phụ giúp bà T trong việc chăm lo cho con, đưa đón con đi học hằng ngày. Ông đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đặng Minh K và đồng ý để bà T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đặng Hoàng N. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng để bà T nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Phạm Thị Lệ T không có nợ ai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 73, 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Phạm Thị Lệ T yêu cầu ly hôn, nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Đơn khởi kiện ghi ngày 05/10/2022 của bà Phạm Thị Lệ T được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Phạm Thị Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Đặng Minh S. Người bị kiện là ông Đặng Minh S có nơi cư trú tại huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc xét xử vắng mặt: Tại viên bản lấy lời khai ngày 02/02/2023, ông Đặng Minh S yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo thủ tục quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Lệ T và ông Đặng Minh S tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà T và ông S đều trình bày quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nên từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, hai đương sự không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Bà T và ông S cũng xác định vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng không được. Bà T yêu cầu ly hôn, ông S cũng đồng ý ly hôn với bà T.

[6] Về yêu cầu ly hôn: Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Phan Thị Lệ T và ông Đặng Minh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Lệ T.

[7] Về con chung: Bà Phan Thị Lệ T và ông Đặng Minh S xác định có 02 con chung là Đặng Minh K, sinh ngày 26/8/2016, Đặng Hoàng N, sinh ngày 12/12/2018.

Hiện nay, Đặng Minh K đang sống với ông S, Đặng Hoàng N đang sống với bà T. Tại biên bản lấy lời khai, bà T và ông S đều thống nhất bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con là Đặng Hoàng N, ông S được tiếp tục nuôi dưỡng con là Đặng Minh K. Do đó căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Phan Thị Lệ T và ông Đặng Minh S.

[8] Về cấp dưỡng cho con: Bà Phan Thị Lệ T và ông Đặng Minh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

[9] Không có ai yêu cầu Toà án giải quyết về phân chia tài sản, nghĩa vụ chung nên Tòa án không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Phan Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Lệ T được ly hôn với ông Đặng Minh S.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Phan Thị Lệ T được quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Hoàng N, sinh ngày 12/12/2018. Bà Phan Thị Lệ T có quyền yêu cầu ông Đặng Minh S hoặc người nào đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Đặng Hoàng N phải giao lại cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Đặng Minh S được quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Minh K, sinh ngày 26/8/2016. Ông Đặng Minh S có quyền yêu cầu bà Phan Thị Lệ T hoặc người nào đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Đặng Minh K phải giao lại cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Phan Thị Lệ T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006600 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Phan Thị Lệ T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật).

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- UBND xã I, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội